

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 106/2026/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Dương Văn T, sinh năm 1984; Đăng ký HKTT và trú tại: Đ, thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên.

Chị Trần Thị Y, sinh năm 1988; Đăng ký HKTT và trú tại: Đ, thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Anh Dương Văn T và chị Trần Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là xã C, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 12/9/2007. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh T và chị Y tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng sâu sắc về quan điểm sống, lối sống và cách thức tổ chức cuộc sống gia đình. Các mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, liên tục, không được khắc phục mà ngày càng gia tăng về mức độ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng. Trong quá trình chung sống, hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; thường xuyên xảy ra tranh cãi, xung đột, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã nhiều lần được gia đình hai bên tổ chức hòa giải nhưng không đạt kết quả, tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn, không có khả năng cải thiện.

Vợ chồng đã sống ly thân liên tục trong thời gian 05 năm, hai bên hoàn toàn độc lập về kinh tế, không còn quan tâm, chăm sóc, thực hiện quyền và

nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Anh T và chị Y xét thấy tình trạng hôn nhân đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, hai bên thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn theo quy định pháp luật, nhằm chấm dứt quan hệ hôn nhân và ổn định cuộc sống của mỗi bên.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì cả hai đương sự giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh T và chị Y đều khẳng định vợ chồng có 03 con chung là cháu Dương Diễm M, sinh ngày 12/6/2008; cháu Dương Kim N, sinh ngày 19/4/2013 và cháu Dương Thiên P, sinh ngày 13/4/2019. Hiện cả 03 cháu đều đang sống cùng anh T. Ngoài ra anh chị không có con riêng, không có con nuôi, chị Y hiện không mang thai.

Anh T và chị Y thỏa thuận và thống nhất: Giao cháu Dương Diễm M, sinh ngày 12/6/2008; cháu Dương Kim N, sinh ngày 19/4/2013 và cháu Dương Thiên P, sinh ngày 13/4/2019 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M, cháu N và cháu Phú thành N1 (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị Y không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Y có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh T và chị Y đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không xây dựng đóng góp được gì cho hai bên gia đình nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] **Về lệ phí:** Anh T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được chị Y nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 24/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn T và chị Trần Thị Y đều tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cháu Dương Diễm M, sinh ngày 12/6/2008; cháu Dương Kim N, sinh ngày 19/4/2013 và cháu Dương Thiên P, sinh ngày 13/4/2019 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M, cháu N và cháu Phú thành N1 (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị Y không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Y có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp, công sức của vợ chồng với hai bên gia đình: Anh T và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T tự nguyện nhận nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn và được chị Y nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001286, ngày 18/3/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì anh T đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên;
- UBND xã Chí Minh (GCNKH số 40 quyền 01/2007);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Thu Hương